

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26-6-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Nguyễn Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Tuyết Phương.

Ngày 26/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐST – HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 06/TB-TA ngày 20/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Ngọc H**, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị H có mặt tại phiên tòa. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 03/02/2017. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau và vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với **anh T**.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị H và anh T có 01 người con chung là Phạm Nguyễn Anh T (sinh ngày 13/4/2015). Hiện nay, cháu T đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

Theo bản tự khai ngày 25/02/2020, anh T trình bày: Thống nhất ly hôn theo yêu cầu chị H. Yêu cầu được nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng. Riêng bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên tòa là thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Ngoài các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của đương sự, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc chị H khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự và bị đơn anh T thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H có đơn xin ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi con chung, tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Chị H, anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 03/02/2017. Do đó hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau và vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 6/2019 đến nay vẫn không tự hàn gắn lại được. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T. Mặt khác, theo bản tự khai ngày 25/02/2020 anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị H, tại phiên tòa anh T vắng mặt. Từ đó, xét thấy hôn nhân của vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh T có một con chung là Phạm Nguyễn Anh T (sinh ngày 13/4/2015). Hiện nay, cháu T đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T có văn bản trình bày ý kiến là yêu cầu được nuôi con. Xét thấy từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu T sống với chị H, anh T không có mặt tại phiên tòa để cung cấp các chứng cứ chứng minh cho việc giao cháu T cho anh nuôi dưỡng là tốt nhất cho cháu. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống, quyền lợi mọi mặt của cháu T, căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị H và anh T đều trình bày không có.

[9] Tóm lại, từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chị Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Giao cháu **Phạm Nguyễn Anh T** cho chị Phạm Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị H không yêu cầu). Anh T được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu T, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí:

Chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số BH/2018/0005843, quyển số 0000117 ngày 22 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang